

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 472/2023/DS-PT
Ngày 25 - 9 - 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất lâm
nghiệp và huỷ quyết định cá biệt.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn và bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp và huỷ quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10603/2023/QĐPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông HVD, sinh năm 1961; địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Chị HTB, sinh năm 1990; địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ: Ông TĐC - Luật sư Văn phòng Luật sư Luật và Phát triển thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông LVT, sinh năm 1964; địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà LTX, sinh năm 1967; anh LVC, sinh năm 1986; anh LVD, sinh năm 1990; chị LTH, sinh năm 1996; chị LTL, sinh năm 1980 và anh LVT1, sinh năm

1994; cùng địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. (có mặt anh D, anh T; vắng mặt bà X, anh C, chị H1, chị L)

Người đại diện theo ủy quyền của bà X, anh C, anh D, chị H1, chị L và anh T: Ông LVT - Là bị đơn trong vụ án. (có mặt)

3.2. Ông LVT2, sinh năm 1962; bà LTD, sinh năm 1957; cùng địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu. (vắng mặt)

3.3. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông NTH - Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông LHL - Phó Chủ tịch UBND huyện Quỳnh Châu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông HVD trình bày:

Gia đình ông là chủ sử dụng thửa đất lâm nghiệp số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69.732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Về nguồn gốc thửa đất này được gia đình ông tự khai hoang sử dụng từ năm 1982 cho đến nay vẫn đang sử dụng ổn định, liên tục nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Năm 1990, gia đình ông đã thực hiện các thủ tục để được cấp GCNQSDĐ theo Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ. Trong quá trình chờ đợi cấp GCNQSDĐ thì gia đình ông LVT ngăn cản, chiếm giữ, chặt phá cây cối trên diện tích ông đang canh tác nêu trên. Quá trình giải quyết tranh chấp T1 cho rằng gia đình ông đã được UBND huyện Quỳnh Châu cấp GCNQSDĐ đối với diện tích gia đình ông đang sử dụng. Ngày 03/3/2020, qua xác minh tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quỳnh Châu ông mới biết thửa đất số nêu trên của gia đình ông đang sử dụng đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình T1. Ông khẳng định gia đình ông khai hoang, sử dụng lâu dài và ổn định từ năm 1982 cho đến nay, quá trình sử dụng gia đình ông cũng không chuyển nhượng hay cho tặng ai đối với thửa đất trên. Việc UBND huyện Quỳnh Châu cấp GCNQSDĐ cho hộ T1 là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Vì vậy ông khởi kiện buộc hộ gia đình ông LVT phải trả lại ông toàn bộ thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69.732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu và yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số Đ217874 do UBND huyện Quỳnh Châu cấp ngày 18/12/2003 cho hộ ông LVT.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 27/5/2022 và tại phiên tòa, bị đơn ông LVT trình bày:

Năm 1997, Nhà nước giao đất cho gia đình ông thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69.732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Năm 2002, Nhà nước tiếp tục đến đo đạc và khảo sát lại đồng thời gia đình ông

đã làm các thủ tục yêu cầu Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho thửa đất trên, đến năm 2003 thì gia đình ông được UBND huyện Quỳnh Châu cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69.732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

Ông thừa nhận, khoảng từ năm 1982 ông HVĐ có trồng cây mết trên diện tích đất đang tranh chấp; năm 2004, ông Đ thuê máy mức đến mức đất để làm ruộng nhưng ông Đ chỉ sử dụng khoảng 1/7 diện tích thửa đất đang tranh chấp từ năm 1982.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà LTX, anh LVC, anh LVD, chị LTH, chị LTL và anh LVT1 thống nhất với các ý kiến và lời khai của T1 và không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến của ông LVT2: Ông T2 không liên quan và không có ý kiến gì đối với việc tranh chấp của hai hộ gia đình.

Ý kiến của bà LTD: Thống nhất và đồng ý với ý kiến của ông HVĐ và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện UBND huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An có văn bản trình bày:

Về nội dung khởi kiện của ông HVĐ yêu cầu ông LVT trả lại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69.732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, UBND huyện Quỳnh Châu không có ý kiến, thống nhất thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Về nội dung yêu cầu hủy GCNQSDĐ mã số Đ 217874 do UBND huyện Quỳnh Châu cấp ngày 18/12/2003 cho hộ gia đình T1, UBND huyện Quỳnh Châu trình bày việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình T1 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành tại thời điểm cấp GCNQSDĐ. Nay ông HVĐ khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số Đ 217874 do UBND huyện Quỳnh Châu cấp ngày 18/12/2003 cho hộ gia đình T1, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông HVĐ:

Buộc hộ ông LVT trả lại 11.692m² đất tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An cho ông HVĐ được đánh số từ số 1 đến điểm số 11 (có sơ đồ kèm theo);

Hủy một phần GCNQSDĐ mã số Đ 217874 do UBND huyện Quỳnh Châu cấp ngày 18/02/2003 cho hộ gia đình ông LVT đối với thửa đất số 206, tờ bản đồ số

02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Sau khi án có hiệu lực pháp luật ông LVT được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục để cấp lại GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật đất đai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/10/2022, nguyên đơn ông HVĐ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông HVĐ giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng gia đình ông Đ là chủ sử dụng đất lâm nghiệp của thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, xét về nguồn gốc thửa đất này đã được gia đình ông Đ tự khai hoang sử dụng từ năm 1982 cho đến nay vẫn đang sử dụng ổn định, liên tục. Việc UBND huyện Quỳnh Châu cấp GCNQSDĐ cho hộ T1 là không đúng vì không khách quan, biên bản xác định mốc giới không có chữ ký của các hộ liên kề, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nhất trí với quan điểm của Luật sư.

Bị đơn ông LVT và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông HVĐ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 02/10/2022, nguyên đơn ông HVĐ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà X, anh C, chị H1, chị L vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T2, bà D1 và UBND huyện Quỳnh Châu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông HVĐ:

[2.1] Về yêu cầu đòi lại diện tích đất của nguyên đơn ông HVĐ yêu cầu bị đơn ông LVT trả lại toàn bộ thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An thấy:

Về nguồn gốc sử dụng đất, nguyên đơn ông Đ xuất trình Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 07/7/2016; giấy xác nhận khu dân cư của ông LVH, ông LVD và bà VTB. Đối với Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 07/7/2016 đã xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng của thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An cụ thể như sau: Chủ sử dụng đất là ông HVĐ, nguồn gốc sử dụng thửa đất: Tự khai hoang bảo vệ từ năm 1982 đến nay; thời điểm bắt đầu sử dụng vào mục đích đăng ký, đề nghị cấp GCNQSDĐ từ năm 1990. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ cấp GCNQSDĐ do UBND huyện Quỳnh Châu và do chính nguyên đơn ông Đ cung cấp thì xác định được thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu đã được UBND huyện Quỳnh Châu cấp GCNQSDĐ số Đ 217874 ngày 18/12/2003 cho hộ gia đình ông LVT, trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ đã có đơn xin đất lâm nghiệp ngày 25/7/2002 của ông LVT và đã được ông LVT3 là Trưởng bản S kí xác nhận, được UBND xã H xác nhận ranh giới, diện tích rõ ràng và đất không có tranh chấp và được Phòng Địa chính huyện Quỳnh Châu xác nhận hồ sơ xin giao đất của ông LVT đã đầy đủ và đề nghị UBND huyện Quỳnh Châu ra quyết định giao đất và cấp GCNQSDĐ. Bên cạnh đó, tại thời điểm họp, xét giao đất lâm nghiệp 163 (cùng thời điểm họp bình xét với hộ ông Toàn) thì hộ ông Đ cũng được nhân dân Bản S họp, bình xét và được UBND xã H lập hồ sơ trình UBND huyện Quỳnh Châu giao đất và cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 189, tờ bản đồ số 02, có diện tích 41,736m² và từ thời điểm được Nhà nước giao đất cho đến nay hộ gia đình ông Đ vẫn đang sử dụng ổn định.

[2.2] Xét về thực tế sử dụng đất: Tại biên bản làm việc và tại phiên toà ông HVĐ thừa nhận đã khai hoang và sử dụng một phần diện tích tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu xác định được thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu đã được UBND huyện Quỳnh Châu cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số 493/QĐ-UB ngày 18/12/2003 cho hộ ông LVT. Thửa đất 206 có đặc điểm tứ cận là: Phía Bắc giáp đất lâm nghiệp xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu; phía Tây giáp đất lâm nghiệp xã Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu; phía Đông giáp với đất lâm nghiệp của hộ ông LVT2; phía Nam giáp đất hành lang Quốc lộ đường 48.

Thửa đất số 206, hiện nay gia đình ông Đ đang sử dụng là 10.778m² và để trống 914m², tổng diện tích gia đình ông Đ đang quản lý là 11.692m², có sơ đồ cụ

thể từ các điểm 01 đến 11 nằm trong tổng diện tích 69,732m² đã được cấp GCNQSDĐ mang tên ông LVT. Như vậy, căn cứ vào quá trình sử dụng và hiện trạng sử dụng đất thấy, các bên đương sự đều có sự thống nhất ý kiến về việc ông Đ đã có quá trình sử dụng một phần diện tích thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu từ những năm 1982 cho đến nay để trồng các loại cây, T1 tự nguyện trả lại phần diện tích ông Đ đang sử dụng như đã xem xét, thẩm định là phù hợp. Do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông HVĐ để buộc hộ ông LVT trả lại 11.692m² tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, trong diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu cho ông HVĐ như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là có cơ sở.

[2.3] Đối với yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ số Đ 217874 do UBND huyện Quỳnh Châu cấp ngày 18/12/2003 cho hộ gia đình T1 đối với thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An thấy:

Về thẩm quyền: UBND huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định cấp GCNQSDĐ mã số Đ 217874 ngày 18/12/2003 cho hộ gia đình T1, đối với thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu là đúng thẩm quyền.

Về đối tượng giao đất lâm nghiệp: Ông LVT là chủ hộ gia đình có hộ khẩu tại Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, nơi có đất lâm nghiệp; như vậy về đối tượng giao đất lâm nghiệp phù hợp với quy định tại điểm 2 Điều 5 Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ.

Về trình tự thủ tục giao đất: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và thực tế hiện trạng sử dụng đất xác định được tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu, ông HVĐ đã có quá trình sử dụng một phần diện tích khai hoang và sử dụng để trồng cây từ năm 1982 cho đến nay; trên diện tích đất này còn có ông LVT2 sử dụng sử dụng 1.030m²; tuy nhiên vào năm 1997, Nhà nước đã giao đất cho gia đình T1 đối với thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu; năm 2002 tiếp tục đo đạc và khảo sát lại đồng thời gia đình T1 đã làm các thủ tục yêu cầu Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho thửa đất trên, đến năm 2003 gia đình T1 được UBND huyện Quỳnh Châu cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02 nêu trên là chưa chính xác, khi chưa xử lý cụ thể các tài sản trên đất để giao cho những người đang sử dụng và thực hiện cấp GCNQSDĐ cho hộ ông LVT là thiếu sót của cơ quan tiến hành cấp GCNQSDĐ.

Vì vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để hủy một phần GCNQSDĐ mã số Đ 217874 ngày 18/02/2003 do UBND huyện Quỳnh Châu cấp cho hộ gia đình T1 đối với thửa đất số 206, tờ bản đồ số 02, diện tích 69,732m², địa chỉ: Bản S, xã H, huyện Quỳnh Châu như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo hướng hủy toàn bộ GCNQSDĐ số Đ 217874 ngày 18/02/2003 do UBND huyện Quỳnh Châu cấp cho

hộ gia đình T1 là không cần thiết.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông HVĐ không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Điệp, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá hết 10.700.000 đồng, nguyên đơn ông HVĐ đã nộp và nay không yêu cầu xem xét nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của ông Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí, vì vậy cần miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông HVĐ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông HVĐ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP của đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hồng Sơn

Phan Thị Vân Hương

Trần Quang Minh